

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2023

V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thi Thị Thanh Trúc

Bà Trần Thị Sang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Châu Thị Phượng Liên là thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**
tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1981 (xin vắng)

Địa chỉ: Thôn Chánh A, xã Mỹ Ch, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Rạch S, xã Long H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trong quá trình giải quyết vụ án cụ thể như sau:**

Trước khi tiến đến hôn nhân chị S với anh T có tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, nên anh chị tự nguyện tiến đến hôn nhân, lễ cưới được tổ chức và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ

Ch, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định vào năm 2009. Sau ngày cưới hai vợ chồng chị đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh được đến năm 2018 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chịu khó đi làm, chị có nhiều lần khuyên, nhưng anh T không nghe, nên vợ chồng không còn tiến nói chung. Từ năm 2018 thì chị S đã về nhà cha mẹ ruột tại Bình Định sinh sống và ly thân với anh Trần Văn T cho đến nay. Nay chị S xét thấy không còn tình cảm với anh T, nếu tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên xin ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung có 01 người con là Trần Văn TT, sinh ngày 21/07/2010, hiện nay con chung do anh Tiến nuôi dưỡng. Chị S cũng đã có hỏi ý kiến cháu TT về việc chị cùng anh T ly hôn thì cháu TT có nguyện vọng sống chung với anh T, nên khi ly hôn chị S đồng ý giao cháu TT cho anh T nuôi dưỡng và chị S đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu TT mỗi tháng 750.000đ cho đến khi cháu TT tròn đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

Anh Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn không đến theo triệu tập của Tòa án, cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của bản thân đối với yêu cầu khởi kiện của chị S. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn T.

* Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này nguyên đơn đã thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến theo triệu tập của Tòa án cũng không gửi văn bản nêu rõ ý kiến là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao cho anh Trần Văn T được nuôi cháu Trần Văn TT, sinh ngày 21/07/2010.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu TT mỗi tháng 750.000đ cho đến khi cháu TT đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Trần Văn T, trú tại: ấp Rạch Sâu, xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, chị S đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “tranh chấp về ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Trần Văn T Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh T vẫn không có mặt tham dự phiên tòa theo Giấy triệu tập của Tòa án. Nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại 207, 208, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị S và anh T sau khi được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, anh chị đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định vào năm 2009, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân chị S, anh T sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Theo chị S trình bày nguyên nhân là do anh T không chịu khó làm ăn, chị đã nhiều lần khuyên, nhưng anh T không nghe, nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Qua xác minh chính quyền địa phương cho biết việc vợ chồng chị S, anh T có mâu thuẫn hay không thì không biết được, nay chị S có yêu cầu ly hôn anh T đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật. Riêng cháu là con chung của chị S và anh T đã trên 7 tuổi và có ý kiến nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được sống chung với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy chị S, anh T đã bỏ mặt nhau, không quan tâm

chăm sóc lẫn nhau, do đó chị S, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị S.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị S khai vợ chồng chị có chung một người con là cháu Trần Văn TT, sinh ngày 21/07/2010, hiện nay con chung do anh T nuôi dưỡng. Chị S đồng ý giao cháu TT cho anh T nuôi dưỡng và cháu TT cũng có nguyện vọng sống chung với anh T. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S giao cháu TT cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu TT mỗi tháng 750.000đ cho đến khi cháu TT tròn đủ 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao cho anh Trần Văn T được tiếp tục nuôi cháu Trần Văn TT, sinh ngày 21/07/2010.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Nguyễn Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Văn TT, sinh ngày 21/07/2010 với mức cấp dưỡng 750.000đ/tháng kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Văn TT tròn đủ 18 tuổi do anh Trần Văn T đại diện nhận.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của chung, khi cần thiết và có yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như quyết định phân cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012190 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Như vậy chị Nguyễn Thị S còn phải tiếp tục nộp thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Anh Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND phường 7;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**